

# **NỖ LỰC GIỮ SẮC XANH**

*Câu chuyện hôm nay: PHR –  
Ghi chép gặp Doanh nghiệp*

**BẢN TIN SÁNG 01/03/2023**



## NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

**VN-Index** 1024.7 ▲0.3%    **VN30** 1015.0 ▲0.4%    **HNX-Index** 202.4 ▼0.4%

- ❖ Hòa theo diễn biến hồi phục của thị trường chứng khoán thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào phiên mới với sắc xanh. Tuy nhiên, nhịp tăng của thị trường chưa nổi bật trước trạng thái thận trọng của dòng tiền và áp lực từ vùng Gap giảm 1.030 – 1.040 điểm tại VN-Index. Diễn biến trong phiên chiều có phần thận trọng hơn và có lúc chuyển sắc đỏ, nhưng thị trường vẫn có nỗ lực giữ sắc xanh cuối phiên.
- ❖ Với trạng thái hồi phục thận trọng của thị trường, ít nhóm cổ phiếu nổi bật và diễn biến thị trường có phân hóa nhẹ. Nhóm Hàng tiêu dùng, nhóm Chứng khoán, nhóm Ngân hàng, nhóm Bảo hiểm ... là những nhóm có sắc xanh. Ngược lại, nhóm Bán lẻ, nhóm Thép, nhóm Hóa chất, nhóm Bất động sản... là những nhóm diễn biến còn kém.
- ❖ Sau 5 phiên giảm điểm đưa VN-Index về gần vùng hỗ trợ 1.015 điểm, thị trường có động thái hồi phục. Tuy nhiên diễn biến hồi phục khá khiêm tốn với trạng thái dòng tiền vẫn thận trọng và áp lực cản từ vùng Gap giảm 1.030 – 1.040 điểm tại VN-Index.
- ❖ Tín hiệu hồi phục hiện tại chỉ giúp thị trường ngừng giảm, chưa tạo cải thiện đáng kể cho thị trường và rủi ro suy yếu vẫn còn hiện hữu. Dự kiến vùng Gap 1.030 – 1.040 điểm sẽ tiếp tục gây sức ép cho thị trường và diễn biến thăm dò tạm thời vẫn là chủ đạo.

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- ❖ Quý Nhà đầu tư vẫn cần thận trọng và quan sát diễn biến cung cầu. Ngoài ra nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý và tận dụng nhịp hồi của thị trường để cơ cấu danh mục theo hướng giảm thiểu rủi ro.



**Thế giới** TTCK Mỹ**Chứng khoán Mỹ chốt tháng 2 mất điểm mạnh, giá dầu giảm 4 tháng liên tiếp**

Thị trường chứng khoán Mỹ và toàn cầu đồng loạt giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (28/2), dưới sức ép của lạm phát dai dẳng và kỳ vọng rằng các ngân hàng trung ương sẽ duy trì việc tăng lãi suất lâu hơn. Giá dầu tăng gần 2% nhờ hy vọng của nhà đầu vào nhu cầu năng lượng của Trung Quốc khi nước này mở cửa trở lại nền kinh tế. Cả chứng khoán Mỹ và giá dầu cùng giảm mạnh trong tháng 2, trong đó giá dầu đã có chuỗi 4 tháng giảm liên tiếp. [Xem thêm](#)

**Thế giới** Hàng hóa**Vàng thế giới ghi nhận tháng giảm mạnh nhất kể từ tháng 6/2021**

Giá vàng tăng vào ngày thứ Ba (28/02), nhưng vẫn hướng đến ghi nhận tháng giảm mạnh nhất kể từ tháng 6/2021 vì đồng USD mạnh hơn và lo ngại về khả năng nâng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã làm giảm sức hấp dẫn của tài sản không đem lại lợi suất. [Xem thêm](#)

**Thế giới** Trung Quốc**Trung Quốc xây dựng hai nhà máy điện than mỗi tuần**

Chính phủ Trung Quốc vào năm 2022 đã phê chuẩn xây dựng thêm 82 nhà máy điện than với công suất 106 GW, nhiều gấp 4 lần so với năm 2021 và xác lập kỷ lục cao nhất kể từ năm 2015. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Ví mô**Toàn cảnh tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, lạm phát các nước mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao...vì thế đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế xã hội Việt Nam trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2023. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Ví mô**Hé lộ room tín dụng 2023 được cấp lần đầu của 8 ngân hàng**

Theo nguồn tin của chúng tôi, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng (room tín dụng) lần đầu năm 2023 cho một số ngân hàng. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Ngân hàng**NHNN duy trì xu hướng rút ròng: "Đi trước, đón đầu" quyết định của Fed?**

Chuyên gia cho rằng NHNN quay lại xu hướng hút ròng trên kênh thị trường mở nhằm đẩy mặt bằng lãi suất thị trường 2 lên cao hơn so với lãi suất USD, tạo khoảng cách an toàn chuẩn bị cho cuộc họp Fed vào tháng 3 tới đây. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Bất động sản**Vốn ngoại đổ vào bất động sản 2 tháng đầu năm đạt gần 400 triệu USD**

Tính đến ngày 20/02/2023, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 17 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 396,9 triệu USD. [Xem thêm](#)

## Sự kiện trong nước

| Thời gian     | Sự kiện                                  |
|---------------|--|
| 01-03/03/2003 | Công bố PMI (Purchasing Managers Index)  |
| 03/03/2023    | FTSE công bố danh mục                    |
| 10/03/2023    | Quỹ Vaneck công bố danh mục              |
| 16/03/2023    | Đáo hạn HĐTL tháng 3 (VN30F2303)         |
| 17/03/2023    | Vaneck và FTSE thực hiện cơ cấu danh mục |
| 30/03/2023    | Hạn cuối CBTT BCTC 2022 kiểm toán        |

## Sự kiện thế giới

| Thời gian     | Quốc gia | Sự kiện  |
|---------------|----------|--|
| 01-03/03/2003 | Mỹ       | Công bố chỉ số quản lý thu mua công nghiệp (PMI)                   |
| 01/03/2023    | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                                   |
| 02/03/2023    | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA                              |
| 08/03/2023    | Nhật     | BOJ tuyên bố chính sách tiền tệ                                    |
| 08/03/2023    | Mỹ       | Công bố báo cáo "Khảo sát việc làm và luân chuyển lao động (JOLTS) |

# LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THỜI GIAN TỚI

## Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia | Sự kiện                                    |
|------------|----------|--|
| 08/03/2023 | Mỹ       | Thay đổi việc làm phi nông nghiệp của ADP  |
| 10/03/2023 | Mỹ       | Công bố tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ           |
| 10/03/2023 | Anh      | Công bố GDP tháng 2/23                     |
| 14/03/2023 | Mỹ       | Công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 |
| 15/03/2023 | Mỹ       | Chỉ Số Giá Sản Xuất (PPI) tháng 2/23       |
| 15/03/2023 | Mỹ       | Công bố doanh số bán lẻ tháng 2/23         |
| 15/03/2023 | Anh      | Kế hoạch Ngân sách 2023 của Anh            |
| 15/03/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA           |
| 16/03/2023 | Châu Âu  | ECB tuyên bố chính sách tiền tệ            |
| 16/03/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA      |
| 22/03/2023 | Anh      | Công bố CPI tháng 2/23                     |
| 22/03/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA           |
| 23/03/2023 | Mỹ       | FED công bố lãi suất điều hành             |
| 23/03/2023 | Anh      | Tóm tắt chính sách tiền tệ của Anh         |
| 23/03/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA      |
| 29/03/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA           |
| 30/03/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA      |
| 31/03/2023 | Mỹ       | Công bố chỉ số giá PCE tháng 2/23          |

## CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR) – Ghi chép gặp doanh nghiệp

Chúng tôi đã tham dự trao đổi và thảo luận KQKD quý 4 và cả năm 2022 với Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa và cập nhật một số tin tức đáng chú ý như sau:

### 1. Cập nhật KQKD 2022 – tăng trưởng tốt

Trong 4Q2022, tổng doanh thu của PHR đạt 577 tỷ đồng (-13% svck), và LNST tăng vọt lên 528 tỷ đồng (+168% svck). Lũy kế cả năm 2022, doanh thu của PHR đạt 1.710 tỷ đồng giảm 12% so với cùng kỳ, LNST tăng 85% so với cùng kỳ lên 881 tỷ đồng.

Đáng chú ý, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính sụt giảm nghiêm trọng (243 tỷ đồng, -34% svck). Sự suy giảm này đến từ việc (1) giá bán mủ cao su sụt giảm đáng kể (~42 triệu/tấn 1H2021 về còn 34 triệu/tấn trong 2H2022), (2) cũng như hoạt động chế biến gỗ sụt giảm so với cùng kỳ. Trong khi đó, (3) giá vốn nguyên vật liệu đầu vào của mảng cao su bị ảnh hưởng bởi biến động lạm phát trong 2022 khi giá vật tư và nhân công tăng lên khiến cho biên lợi nhuận của mảng kinh doanh này còn 14% so với 20% của năm 2021.

Ngoài ra, mảng KCN ghi nhận doanh thu từ hợp đồng cho thuê 6 ha tại KCN Tân Bình, được kí trong năm 2021. Trong năm 2022, PHR đã kí hợp đồng cho thuê 5 ha cuối cùng tại KCN này và sẽ được book doanh thu trong năm 2023. Và việc ghi nhận từ thu nhập bồi thường trong thương vụ bàn giao đất cho dự án VSIP 3 (698 tỷ đồng) đã giúp LNST tăng đột biến so với cùng kỳ.

| VND bn                           | FQ4 2022     | FQ3 2022       | +/- (%qoq)  | FQ4 2021     | +/- (%yoy)  | 2022         | 2021           | +/- ('YoY)  |
|----------------------------------|--------------|----------------|-------------|--------------|-------------|--------------|----------------|-------------|
| <b>Net revenue</b>               | <b>577.0</b> | <b>523.0</b> ↑ | <b>10%</b>  | <b>666</b> ↓ | <b>-13%</b> | <b>1,710</b> | <b>1,946</b> ↓ | <b>-12%</b> |
| <b>Rubber</b>                    | 502.0        | 378.0 ↑        | 33%         | 654 ↓        | -23%        | 1,457        | 1,693 ↓        | -14%        |
| <b>IP leasing</b>                | 75.0         | 136.0 ↓        | -45%        | 15 ↑         | 400%        | 240          | 253 ↓          | -5%         |
| <b>Water waster treatment</b>    | 3.0          | 7.0 ↓          | -57%        | 1 ↑          | 200%        | 13           | 4 ↑            | 225%        |
| <b>Others</b>                    | -            | 1.0 ↓          | -100%       | 0            |             | 1            | -              |             |
| <b>Gross profit</b>              | <b>132.0</b> | <b>161.0</b> ↓ | <b>-18%</b> | <b>187</b> ↓ | <b>-29%</b> | <b>390</b>   | <b>516</b> ↓   | <b>-24%</b> |
| SG&A expenses                    | (54.0)       | (39.0) ↑       | 38%         | -65 ↓        | -17%        | (147)        | (146) ↑        | 1%          |
| <b>Operating profit</b>          | <b>78.0</b>  | <b>122.0</b> ↓ | <b>-36%</b> | <b>122</b> ↓ | <b>-36%</b> | <b>243</b>   | <b>370</b> ↓   | <b>-34%</b> |
| Financial income                 | 93.0         | 27.0 ↑         | 244%        | 100 ↓        | -7%         | 180          | 236 ↓          | -24%        |
| Financial expenses               | (7.0)        | (4.0) ↑        | 75%         | -5 ↑         | 40%         | (21)         | (25) ↓         | -16%        |
| <i>Net other income/expenses</i> | 403.0        | 4.0 ↑          | 9975%       | 20 ↑         | 1915%       | 691          | 36 ↑           | 1819%       |
| <b>NPBT</b>                      | <b>528.0</b> | <b>167.0</b> ↑ | <b>216%</b> | <b>198</b> ↑ | <b>167%</b> | <b>1,123</b> | <b>598</b> ↑   | <b>88%</b>  |
| <b>NPAT</b>                      | <b>413.0</b> | <b>122.0</b> ↑ | <b>239%</b> | <b>172</b> ↑ | <b>140%</b> | <b>881</b>   | <b>477</b> ↑   | <b>85%</b>  |
| D&A                              | 43.0         | 31.0 ↑         | 39%         | 28 ↑         | 54%         | 134          | 113 ↑          | 19%         |
| <b>EBITDA</b>                    | <b>121.0</b> | <b>152.0</b> ↓ | <b>-20%</b> | <b>150</b> ↓ | <b>-19%</b> | <b>377</b>   | <b>482</b> ↓   | <b>-22%</b> |

Nguồn: PHR, CTCK Rồng Việt

## 2. Những điểm nhấn đáng chú ý về triển vọng kinh doanh 2023 – tiếp tục kỳ vọng vào KCN VSIP 3

- ✓ **Ở mảng kinh doanh mủ cao su**, mặc dù Trung Quốc đã mở cửa hoàn toàn, nhu cầu từ thị trường này vẫn chưa thật sự mạnh và có tác động đáng kể đến giá mủ cao su trên toàn cầu. Theo doanh nghiệp chia sẻ, giá mủ hiện tại đang ở mức 35,5 triệu/ tấn – 36 triệu/ tấn. Trong năm 2023, PHR đặt mục tiêu khai thác 11,200 tấn mủ cao su tại vườn cây ở Việt Nam, 12,200 tấn tại vườn cây Campuchia, và thu mua 13,000 tấn mủ.
- ✓ **Mảng xử lý gỗ vẫn còn khó khăn**, thị trường tiêu thụ chưa có tín hiệu phục hồi. Hiện tại, nhà máy chế biến gỗ Trường Phát ( công ty con của PHR) chỉ duy trì <50%) công suất thông qua việc cung cấp gỗ cho các hộ kinh doanh nhỏ lẻ trong vùng. **Ở mảng Khu công nghiệp (KCN)**, PHR sẽ ghi nhận doanh thu của 5 ha đã kí hợp đồng trong năm 2022, với giá thuê 135 USD/m2/ck thuê.
- ✓ **Về phần thu nhập khác**, PHR sẽ tiến hành thanh lý 285 ha cây cao su với giá bán 200 triệu/ha. Bên cạnh đó, phần đền bù còn lại của thương vụ với VSIP cũng sẽ được ghi nhận trong năm 2023. Cụ thể, 207 tỷ đồng còn lại của phần đền bù cố định đã được VSIP chuyển cho PHR trong tháng 2 và sẽ được ghi nhận trong báo cáo thu nhập của 1Q2023, phần đền bù theo tiến độ cho thuê của dự án VSIP 3 ( hiện đã cho Lego và Pandora thuê 60 ha) cũng sẽ được thanh toán trong năm nay, số tiền được nhận vào khoảng 72 tỷ đồng, tương ứng với 1,2 tỷ đồng/ha.
- ✓ **Về tiến độ góp vốn vào dự án VSIP 3**, PHR hiện đang trình tập đoàn phương án góp 20% vốn theo hình thức hợp tác kinh doanh (BCC) và dự kiến sẽ thực hiện trong năm nay. Về dự án xử lý chất thải rắn của BWE, hai bên vẫn đang thương thuyết về mức giá đền bù. PHR kỳ vọng, mức giá đền bù phải tương đương với mức mà PHR nhận từ thương vụ VSIP 3, tức 2,5 tỷ đồng/ha.
- ✓ **Đối với các dự án KCN mà PHR đang theo đuổi**, PHR có kế hoạch chuyển đổi 2.000 – 3.300 ha đất cao su thành đất KCN. Tuy nhiên, vấn đề quy hoạch và thực hiện điều chỉnh phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của tập đoàn Cao Su Việt Nam đang là điểm nghẽn đối với các dự án gồm Tân Lập I, Tân Bình mở rộng, Nam Tân Uyên mở rộng, Bình Mỹ, Hội Nghĩa.

## 3. Đánh giá chung

**Phần thu nhập đền bù từ thương vụ với VSIP sẽ tiếp tục là điểm tựa lợi nhuận của PHR trong năm 2023** trong bối cảnh (1) mảng kinh doanh cao su kỳ vọng sẽ có sự cải thiện nhẹ khi tác động của việc Trung Quốc mở cửa đang diễn ra chậm, điều đó có thể khiến giá cao su phục hồi muộn hơn kỳ vọng. Thêm vào đó, giá cả vật tư đầu vào cũng sẽ hạ nhiệt trong năm nay khi giá cả hàng hóa đã hạ nhiệt. (2) Mảng chế biến gỗ chưa có tín hiệu phục hồi từ nhu cầu tiêu thụ, (3) mảng kinh doanh đất KCN dự kiến sẽ đi ngang khi PHR chỉ ghi nhận diện tích thuê tương đương với năm 2022. Theo đó, doanh thu ước đạt 1.749 tỷ đồng (+2.4%svck) và LNST ước đạt 528 tỷ đồng (- 40,4% svck).

Về dài hạn, triển vọng của các dự án KCN của PHR đang gặp thách thức bởi điểm nghẽn lớn, một số dự án KCN ( ngoại trừ VSIP 3 đã được bộ tài nguyên môi trường có ý kiến) không nằm trong kế hoạch chuyển đổi phương án sử dụng đất của tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam khi tiến hành cổ phần hóa từ trước đó phải tiến hành điều chỉnh phương án sử dụng đất từ phía tập đoàn và được các cấp thẩm quyền về việc quản lý vốn nhà nước chấp thuận.

| Sàn giao dịch | Mã cổ phiếu | Vốn hoá (nghìn tỷ đ) | Giá hiện tại (VND) | Giá mục tiêu (VND) | LN kỳ vọng (%) | Tăng trưởng DT (%) |       | Tăng trưởng LNST |       | P/E  |       | P/B      |
|---------------|-------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|--------------------|-------|------------------|-------|------|-------|----------|
|               |             |                      |                    |                    |                | 2021               | 2022F | 2021             | 2022F | 2021 | 2022F | Hiện tại |
| HOSE          | <b>MWG</b>  | 58,5                 | 40.000             | 61.900             | 54,8%          | 13,3               | 13,2  | 25,0             | -13,0 | 12,5 | 13,3  | 2,4      |
| HOSE          | <b>KDH</b>  | 18,2                 | 25.450             | 37.300             | 46,6%          | -17,4              | -25,7 | 4,3              | 20,0  | 16,7 | 14,7  | 1,6      |
| HOSE          | <b>DRC</b>  | 2,6                  | 22.250             | 31.000             | 39,3%          | 20,1               | 18,3  | 13,4             | 7,9   | 8,4  | 8,6   | 1,4      |
| HOSE          | <b>PNJ</b>  | 25,2                 | 76.900             | 107.000            | 39,1%          | 12,0               | 63,1  | -3,4             | 66,5  | 25,1 | 12,6  | 2,9      |
| HOSE          | <b>PHR</b>  | 5,5                  | 40.300             | 54.000             | 34,0%          | 19,0               | -13,1 | -49,8            | 120,3 | 14,6 | 7,7   | 1,7      |
| HOSE          | <b>FPT</b>  | 88,3                 | 80.500             | 107.300            | 33,3%          | 19,5               | 19,0  | 22,5             | 31,8  | 20,7 | 13,6  | 4,2      |
| HOSE          | <b>HAX</b>  | 1,1                  | 15.700             | 20.900             | 33,1%          | -0,3               | 21,5  | 28,2             | 69,9  | 8,4  | 4,6   | 1,0      |
| HOSE          | <b>DPR</b>  | 2,2                  | 51.000             | 65.800             | 29,0%          | 6,7                | 11,4  | 152,0            | 12,3  | 7,2  | 5,9   | 0,9      |
| HOSE          | <b>BFC</b>  | 0,9                  | 16.200             | 20.800             | 28,4%          | 42,2               | 20,4  | 64,5             | -7,1  | 5,2  | 7,0   | 0,9      |
| HOSE          | <b>HDB</b>  | 42,9                 | 17.050             | 21.800             | 27,9%          | 21,6               | 30,5  | 42,5             | 34,4  | 7,3  | 4,3   | 1,2      |
| HOSE          | <b>MBB</b>  | 78,2                 | 17.250             | 22.000             | 27,5%          | 35,0               | 18,0  | 53,7             | 42,2  | 6,5  | 4,2   | 1,0      |
| HOSE          | <b>IMP</b>  | 3,3                  | 50.000             | 63.000             | 26,0%          | -7,5               | 22,1  | -9,8             | 17,4  | 17,5 | 18,2  | 1,8      |
| HOSE          | <b>FMC</b>  | 2,4                  | 36.000             | 45.000             | 25,0%          | 17,8               | 17,1  | 18,1             | 22,6  | 8,3  | 6,9   | 1,2      |
| HOSE          | <b>TCB</b>  | 93,2                 | 26.500             | 33.000             | 24,5%          | 37,1               | 16,8  | 46,4             | 19,4  | 5,3  | 5,0   | 0,8      |
| HOSE          | <b>VNM</b>  | 157,8                | 75.500             | 93.800             | 24,2%          | 2,2                | 2,6   | -5,1             | -5,8  | 15,7 | 15,7  | 5,3      |
| HOSE          | <b>ACB</b>  | 82,4                 | 24.400             | 30.000             | 23,0%          | 29,7               | 17,6  | 25,0             | 46,8  | 8,5  | 6,0   | 1,4      |
| HOSE          | <b>MSH</b>  | 2,5                  | 32.700             | 40.000             | 22,3%          | 24,5               | 11,9  | 90,8             | -19,8 | 5,5  | 7,3   | 1,5      |
| HOSE          | <b>PVT</b>  | 6,3                  | 19.350             | 23.300             | 20,4%          | -0,2               | 23,0  | -0,5             | 29,4  | 9,3  | 9,3   | 1,0      |
| HOSE          | <b>LHG</b>  | 1,1                  | 22.250             | 26.400             | 18,7%          | 21,5               | -6,2  | 48,5             | -32,2 | 3,7  | 3,8   | 0,7      |

Xu hướng ngắn hạn: ■ Tăng ■ Sideway ■ Giảm

| Ngày  | Mã cổ phiếu | Bình luận kỹ thuật mới   |
|-------|-------------|--|
| 01/03 | CTG         | CTG vẫn trong nhịp điều chỉnh và diễn biến vẫn còn thận trọng. Khả năng điều chỉnh của CTG có thể còn tiếp diễn nhưng dự kiến vùng 26 - 26.5 sẽ hỗ trợ và giúp CTG hồi phục ngắn hạn.  |
|       | DGC         | DGC đang lùi về thăm dò vùng hỗ trợ tại biên dưới 46-50. Có khả năng DGC sẽ được hỗ trợ tốt và tích lũy trở lại trong thời gian sắp tới.   |
|       | ELC         | Hỗ trợ ngắn hạn tại 11.6 đang có dấu hiệu suy yếu. Do đó, cần lưu ý rủi ro đánh mất hỗ trợ và bước vào nhịp chỉnh sâu trong thời gian tới.   |
|       | LHG         | Hỗ trợ quanh 21 của LHG tương đối kém. Do đó, cần lưu ý rủi ro đánh mất vùng hỗ trợ 21 và chỉnh sâu trong thời gian gần tới.   |
|       | PLX         | PLX vẫn trong nhịp điều chỉnh và diễn biến hồi phục còn khiêm tốn với trạng thái cầu thấp. Khả năng điều chỉnh của PLX có thể còn tiếp diễn nhưng dự kiến vùng 35 - 36 sẽ hỗ trợ và giúp PLX hồi phục ngắn hạn.  |
|       | VGC         | Có thể kỳ vọng VGC dần cân bằng tại hỗ trợ mạnh 30.7-34 trong thời gian tới. Tuy nhiên, vẫn cần chú ý hạn chế mua đuổi và chỉ nên cân nhắc trong các nhịp chỉnh của thị trường.  |
|       | VNIndex     | Đà giảm tạm chững quanh 1.020 điểm với hai phiên rút chân tại vùng giá này. Tuy nhiên, dòng tiền hỗ trợ còn tương đối yếu ớt và chưa thể giúp VN-Index xuất hiện nhịp hồi phục đủ tốt để vượt qua cản ngắn hạn 1.035-1.040 điểm. Dự kiến, chỉ số giằng co với biên độ 1.015-1.040 điểm trong vài phiên sắp tới, trước khi có tín hiệu về xu hướng tiếp theo. |



| Ngày MUA                   | Mã  | Giá Hiện tại | Giá KN MUA | Mục tiêu Ngắn hạn 1 | Mục tiêu Ngắn hạn 2 | Cắt lỗ | Giá đóng vị thế | Lãi/ Lỗ      | Trạng thái   | Biến động VN-Index (*) |
|----------------------------|-----|--------------|------------|---------------------|---------------------|--------|-----------------|--------------|--------------|------------------------|
| 21/02                      | BCM | 83.70        | 85.00      | 92.00               | 100.00              | 79.90  |                 | -1.5%        |              | -5.7%                  |
| 10/02                      | PVS | 26.00        | 23.80      | 28.00               | 30.50               | 22.30  | 26.40           | 10.9%        | Đóng 16/02   | -0.5%                  |
| 10/02                      | GAS | 103.50       | 106.50     | 119.50              | 130.00              | 100.80 | 106.50          | 0.0%         | Đóng 24/02   | -2.3%                  |
| 07/02                      | DPM | 35.00        | 38.80      | 45.00               | 51.00               | 35.40  | 35.40           | -8.8%        | Cắt lỗ 23/02 | -3.3%                  |
| 01/02                      | DGC | 50.10        | 60.00      | 70.00               | 79.00               | 56.80  | 56.80           | -5.3%        | Cắt lỗ 07/02 | -4.1%                  |
| 01/02                      | DTD | 12.30        | 14.00      | 17.00               | 20.00               | 12.80  | 12.80           | -8.6%        | Cắt lỗ 09/02 | -4.2%                  |
| 31/01                      | VTP | 25.80        | 29.00      | 35.00               | 41.00               | 26.90  | 26.90           | -7.2%        | Cắt lỗ 03/02 | -2.3%                  |
| 19/01                      | BSR | 15.70        | 15.50      | 17.50               | 20.50               | 14.40  | 16.20           | 4.5%         | Đóng 24/02   | -5.3%                  |
| 19/01                      | CTD | 33.65        | 37.50      | 47.00               | 56.00               | 34.90  | 34.50           | -8.0%        | Cắt lỗ 13/02 | -5.0%                  |
| <b>Hiệu quả Trung bình</b> |     |              |            |                     |                     |        |                 | <b>-2.7%</b> |              | <b>-3.6%</b>           |

(\*) Biến động VN-Index tính từ ngày Khuyến nghị đến ngày đóng vị thế, làm cơ sở so sánh hiệu quả khuyến nghị.

## 1. Sản phẩm Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn kèm gói thanh khoản:

| Thời hạn (Tháng) | Suất sinh lợi (%/Năm) |               |
|------------------|-----------------------|---------------|
|                  | Gói cố định           | Gói linh hoạt |
| Không kỳ hạn     | 2.00%                 | 2.00%         |
| 1                | 7.60%                 | 7.60%         |
| 2                | 8.10%                 | 7.80%         |
| 3                | 8.50%                 | 8.10%         |
| 4                | 8.80%                 | 8.40%         |
| 5                | 9.10%                 | 8.70%         |
| 6                | 9.40%                 | 9.00%         |
| 7                | 9.50%                 | 9.10%         |
| 8                | 9.60%                 | 9.20%         |
| 9                | 9.70%                 | 9.30%         |
| 10               | 9.80%                 | 9.40%         |
| 11               | 9.90%                 | 9.50%         |
| 12               | 10.00%                | 9.60%         |

### Ghi chú:

• **Gói cố định:** Rông Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào một ngày xác định.

• **Gói linh hoạt:** Rông Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào bất kỳ ngày nào theo nhu cầu của Khách hàng.

(\*) Trái phiếu được đảm bảo bằng BĐS với tỷ lệ đảm bảo hơn 160% do VCB quản lý.

(\*\*) Suất sinh lợi ở bảng trên là suất sinh lợi thực nhận của nhà đầu tư.

## 2. Sản phẩm Gói Mua nắm giữ 1 năm đối với Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn với Suất sinh lời là 10.4%/năm.

Quý Khách hàng vui lòng liên hệ Nhân viên quản lý tài khoản và các kênh sau để được tư vấn trực tiếp hoặc để lại thông tin Rông Việt sẽ liên lạc trong thời gian sớm nhất.



**MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỢI SỞ**

Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon  
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM  
☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn  
☎ (+84) 28 6291 7986 🌐 www.vdsc.com.vn  
MST 0304734965

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow  
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội  
☎ (+84) 24 6288 2006  
☎ (+84) 24 6288 2008

**CHI NHÁNH NHA TRANG**

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,  
TP. Nha Trang, Khánh Hòa  
☎ (+84) 25 8382 0006  
☎ (+84) 25 8382 0008

**CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank  
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ  
☎ (+84) 29 2381 7578  
☎ (+84) 29 2381 8387

**CHI NHÁNH VŨNG TÀU**

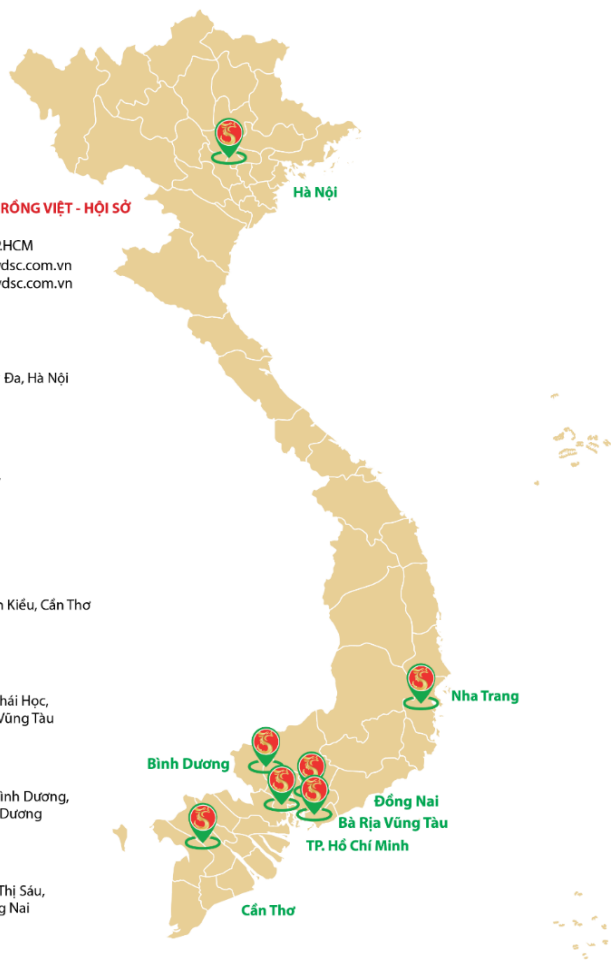
Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,  
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
☎ (+84) 25 4777 2006

**CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,  
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
☎ (+84) 27 4777 2006

**CHI NHÁNH ĐỒNG NAI**

Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,  
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
☎ (+84) 25 1777 2006



Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**

## PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

**Trần Hà Xuân Vũ**

**Trưởng phòng**

vu.thx@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1512)

**Nguyễn Huy Phương**

**Phó phòng**

phuong.nh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1241)

**Nguyễn Đại Hiệp**

**Chuyên viên cao cấp**

hiiep.nd@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1331)

**Phạm Thu Hà Phương**

**Chuyên viên**

phuong1.pth@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1372)

**Nguyễn Minh Hiếu**

**Chuyên viên**

hieu.nm@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1295)

**Đinh Văn Hiến**

**Chuyên viên**

hien.dv@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006